

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 02/2020/DS -ST

Ngày: 10/01/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện;

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Ngọc Thắng

- Bà Vũ Thị Thu Ngát

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo, cán bộ tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2019/TLST – DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp dân sự vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 11 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng NNPTNTVN

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng K - Trưởng phòng kế hoạch- kinh doanh chi nhánh BH, Bắc Giang II (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ chi nhánh: Phố TN, thị trấn BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn* : Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968(vắng mặt);

Địa chỉ: XL, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990 (vắng mặt);

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1995 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: XL, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, NHNNPTNTVN trình bày: Ngày 08/07/2016, Ngân hàng nông nghiệp và PTNT BH - Bắc Giang II và Bà Nguyễn Thị M đã ký hợp đồng tín dụng 2514LAV201601133, theo đó Chi nhánh NHNNPTNT BH đã chấp nhận cấp tín dụng với số tiền là: 270.000.000đ. Dư nợ của hợp đồng tín dụng đến ngày 24/07/2019 là: 255.000.000đ. Mục đích sử dụng vốn vay mua xe ô vận tải. Lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 9,80%/năm. Thời hạn hạn mức: 60 tháng.

Hợp đồng Tín dụng số 2514LAV201601133 ngày 08/07/2016, theo phân kỳ trả nợ: ngày 05/10/2016: 5.000.000 đ nợ gốc.

05/01/2017: 5.000.000 đ nợ gốc.

05/04/2017: 5.000.000 đ nợ gốc.

05/07/2017: 5.000.000 đ nợ gốc.

05/10/2017: 5.000.000 đ nợ gốc.

05/01/2018: 5.000.000 đ nợ gốc.

05/04/2018: 10.000.000 đ nợ gốc.

05/07/2018: 10.000.000 đ nợ gốc.

05/10/2018: 10.000.000 đ nợ gốc.

05/01/2019: 10.000.000 đ nợ gốc.

05/04/2019: 10.000.000 đ nợ gốc.

05/07/2019: 20.000.000 đ nợ gốc.

05/10/2019: 20.000.000 đ nợ gốc.

05/01/2020: 20.000.000 đ nợ gốc.

05/04/2020: 20.000.000 đ nợ gốc.

05/07/2020: 20.000.000 đ nợ gốc.

05/10/2020: 20.000.000 đ nợ gốc.

05/01/2021: 20.000.000 đ nợ gốc.

05/04/2021: 20.000.000 đ nợ gốc.

05/07/2021: 30.000.000 đ nợ gốc.

Phương thức trả lãi cùng kỳ trả gốc. Hình thức bảo đảm: Cho vay có tài sản bảo đảm theo “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 161-BH/BĐTV ký ngày 08/07/2016*”. Tài sản thế chấp của Bà Nguyễn Thị M là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H505102 do UBND huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 17/09/2015. Tại thửa đất số 124; tờ bản đồ số 45, địa chỉ thửa đất: Thôn Xuân Lan1, xã Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất thế chấp: 489,2 m². Tài sản được thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Bà Nguyễn Thị M với mức dư nợ gốc là 270.000.000 đồng và các khoản lãi, phí và các chi phí hợp pháp khác phát sinh.

Đã quá thời hạn trả nợ kỳ trả 05/07/2017; 05/10/2017; 05/01/2018; 05/04/2018; 05/07/2018; 05/10/2018; 05/01/2019; 05/07/2019 số tiền: 255.000.000đ nợ gốc mà bên vay là Bà Nguyễn Thị M không thanh toán nợ cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu (*bằng thông báo và biên bản làm việc yêu cầu trả nợ*), nên đề nghị buộc Bà Nguyễn Thị M phải hoàn trả: Tổng cộng cả gốc và lãi đến ngày 24/07/2019 là: 312.179.597 đồng (Ba trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng); nếu Bà Nguyễn Thị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị được phát mại tài sản đã thế chấp của Bà Nguyễn Thị M để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai Bà Nguyễn Thị M trình bày: Ngày 08/7/2016 bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Bồ Hạ, Bắc Giang II để vay số tiền 270.000.000đ mục đích mua ô tô vận tải với lãi suất 9,8%/năm và thời gian trả nợ theo phân kỳ: lần 1 ngày 05/10/2016 trả 5.000.000đ và cứ 03 tháng trả nợ 01 lần với số tiền 5.000.000đ đến ngày 05/4/2018 trả 10.000.000đ và cứ 03 tháng trả nợ 01 lần với số tiền gốc là 10.000.000đ và đến 05/7/2019 trả 20.000.000đ và cứ 3 tháng trả nợ một lần với số tiền gốc đến 05/7/2021 trả nốt số tiền 30.000.000đ.

Đến nay bà xác định còn nợ lại số tiền gốc là 255.000.000đ và tiền lãi phát sinh khoảng gần 70.000.000đ, nay ngân hàng khởi kiện bà đồng ý trả gốc 255.000.000đ vì kinh tế khó khăn bà không có điều kiện trả lãi. Khi vay bà có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận số H505102 do UBND huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 17/09/2015. Tại thửa đất số 124, tờ bản đồ

số 45, địa chỉ thửa đất: Thôn XL, xã BH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất thế chấp: 489,2 m².

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật; Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Nguyên đơn : Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Bị đơn: Không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thao, anh Ngọc: Không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX áp dụng:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHNNPTNTVN - Chi nhánh Bồ Hạ Bắc Giang II, buộc bà Mai phải trả cho Ngân hàng 329.188.758 đồng, trong đó có 255.000.000 đồng tiền gốc và 74.188.858 đồng tiền lãi.

- Án phí: Bà M phải chịu 16.459.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Ngày 08/07/2016, NHNNPTNTVN chi nhánh Bồ Hạ - Bắc Giang II (gọi tắt là Ngân hàng) và Bà Nguyễn Thị M đã ký hợp đồng tín dụng 2514LAV201601133, theo đó Chi nhánh NHNNPTNT BH đã chấp nhận cấp tín dụng với số tiền là: 270.000.000đ cho bà Mai. Lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 9,80%/năm, thời hạn hạn mức: 60 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Mai đã trả được 15.000.000đ tiền gốc cụ thể: ngày 17 tháng 10 năm 2016 trả 5.000.000đ, ngày 13 tháng 01 năm 2017 trả 5.000.000đ, ngày 28/4/2017 trả 5.000.000đ dư nợ của hợp đồng tín dụng đến nay là: 255.000.000đ (Bằng chữ: *Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn*). Bà Mai thừa nhận còn nợ lại số tiền gốc là 255.000.000đ do đó xác định số tiền gốc bà Mai còn nợ lại Ngân hàng số tiền là 255.000.000đ.

Về tiền lãi: Khi vay hai bên thỏa thuận tiền lãi trong hạn là 9,8%/năm do đó tính đến ngày 10/01/2020 lãi trong hạn là 78.150.917đ. Lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều 2, Hợp đồng tín dụng thì lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn theo từng thời kỳ của hợp đồng, bà Mai đã vi phạm các phân kỳ trả nợ do đó phải chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng vay, tính đến ngày 10/01/2020 lãi suất quá hạn là 16.481.150đ, tổng lãi là 94.362.067đ, bà Mai đã trả tiền lãi như sau: ngày 17/8/2016 trả 2.646.000đ, ngày 16 tháng 9 năm 2016 trả 2.278.500đ, ngày 17/10/2016 trả 2.213.167đ, ngày 16/11/2016 trả 2.236.306đ, ngày 13/01/2017 trả 4.188.139đ, ngày 17 tháng 3 năm 2017 trả 4.388.222đ, ngày 28 tháng 4 năm 2017 trả 2.492.875đ tổng lãi đã trả 20.443.209đ, do đó bà Mai còn phải trả tiền lãi là 74.188.858đ (*có bảng tính lãi kèm theo bản án*)

Yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ theo các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự do đó cần buộc bà Mai trả Ngân hàng số nợ gốc là 255.000.000đ và lãi là 74.188.858đ.

Về hợp đồng thế chấp: Khi ký hợp đồng tín dụng hai bên có ký "*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 161-BH/BĐTV, ngày 08/07/2016*" Tài sản thế chấp của bà: Nguyễn Thị Mai là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận QSD đất số H505102 do UBND huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 17/09/2015. Tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 45, địa chỉ thửa đất: Thôn Xuân Lan 1, xã Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, diện tích đất thế chấp: 489,2 m².

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng thế chấp nêu trên đều đáp

ứng đầy đủ nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật dân sự, các bên ký kết đều hoàn toàn tự nguyện, các hợp đồng đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Bồ Hạ, được đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà có thẩm quyền. Như vậy các hợp đồng thế chấp đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai và Điều 503 Bộ luật dân sự. Tại mục 1.4 Điều 1 của các hợp đồng đều ghi rõ toàn bộ giá trị tăng thêm của tài sản gắn liền với đất đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai do đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp gắn liền với quyền sử dụng đất đều thuộc tài sản thế chấp. Tại Điều 2 của các hợp đồng thế chấp đều ghi bên thế chấp tự nguyện đem tài sản nêu tại Điều 1 của hợp đồng (kể cả các khoản tiền bảo hiểm cho tài sản đó - nếu có) thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bà Mai. Tại mục 4.1.1 Điều 4 của các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quy định xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Chính vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để bảo đảm thi hành án là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xác định: Thửa đất số 124, tờ bản đồ 45, Xuân lan 1, xã Bồ Hạ, diện tích 489,2m² trong đó có 300m² đất ở và 189,2m² đất vườn; trên đất có các tài sản 01 nhà 02 tầng diện tích 152,7m²; 01 khu chăn nuôi diện tích 23m², 01 bếp xây cay lợp Proximăng diện tích 21,3m²; 01 khu chăn nuôi xây gạch lợp Proximăng diện tích 17,59m².

Do đó trường hợp bà M không thanh toán hết số tiền phải thanh toán thì phía Ngân hàng có quyền phát mại tài sản để bảo đảm thi hành án

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu tiền án phí, bà Mai phải chịu án phí.

Về chi phí thẩm định: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu tiền chi phí thẩm định bà M phải chịu chi phí thẩm định là 2.000.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 295, Điều 299, Điều 317, khoản 3 Điều 318, Điều 320, Điều 463, Điều 466, Bộ luật dân sự năm

2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Nguyễn Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc là 255.000.000đ và tiền lãi là 74.188.858đ tổng cả gốc và lãi là 329.188.858đ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thanh toán thì bên được thi hành án có quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 161-BH/BĐTV, ngày 08/07/2016*” Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận số H505102 do UBND huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 17/09/2015. Tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 45, địa chỉ thửa đất: Thôn Xuân Lan 1, xã Bó Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất thế chấp: 489,2 m² và các tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng diện tích 152,7m²; 01 khu chăn nuôi diện tích 23m², 01 bếp xây cay lợp Proximãng diện tích 21,3m²; 01 khu chăn nuôi xây gạch lợp Proximãng diện tích 17,59m².

- Án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 16.459.442đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả NHNNPTNTVN 7.084.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2014/0004521 ngày 03/9/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thu.

- Về chi phí thẩm định: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.000.000đ chi phí thẩm định tại chỗ; Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam được nhận lại số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện

